

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSĐT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
I	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ			
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	<ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu số 10B. Bảng đề xuất hàng hóa của nhà thầu theo chỉ dẫn tại E-HSMT. Thông tin kê khai trên webform của nhà thầu là cơ sở đánh giá thông tin hàng hóa trong E-HSĐT.- Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ; giấy tờ; catalogue; tài liệu kỹ thuật được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định	X	

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

STT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		<p>tại Chương V. (Trong trường hợp hàng hóa chào thầu có sự sai khác so với yêu cầu của E-HSMT mà nhà thầu vẫn kê khai đúng thông số tại Chương V thì được xem là nhà thầu kê khai không trung thực).</p> <p>- Hàng hóa chào thầu phải tuân thủ các Quy định hiện hành về sản xuất và thương mại tại Việt Nam.</p> <p>- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở về sau, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>- Nhà thầu có cam kết trước khi giao hàng:</p> <p>+ Đối với hàng hóa xuất xứ Việt Nam: cung cấp phiếu xuất xưởng, phiếu xuất kho, các giấy tờ khác liên quan chứng minh nguồn gốc, chất lượng hàng hóa.</p> <p>+ Đối với hàng hóa xuất xứ từ nước ngoài nhập khẩu về Việt Nam: cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng (CQ).</p>		
		Không đáp ứng các yêu cầu trên.		X
II.	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, vận chuyển, lắp đặt hàng hoá			
1	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, vận chuyển, lắp đặt hàng hoá	Có thuyết minh Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, vận chuyển, bàn giao hàng hoá đầy đủ, phù hợp với đề xuất về tiến độ. Có thuyết minh biện pháp lắp đặt hàng hoá cụ thể, chi tiết.	X	

STT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		Có thuyết minh biện pháp đảm bảo an toàn, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lắp đặt hợp lý, khả thi, phù hợp với phạm vi của gói thầu. Nhà thầu cam kết vận chuyển, bàn giao, lắp đặt đến đơn vị sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.		
		Không đáp ứng yêu cầu trên.		X
2	Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trong quá trình thực hiện gói thầu	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự, nêu rõ trách nhiệm của từng nhân sự.	X	
		Không có sơ đồ, thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không thể hiện rõ trách nhiệm của từng nhân sự		X
III	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì			
1	Thời gian bảo hành và bảo trì thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết bảo hành ít nhất là 12 tháng cho hàng hoá, thiết bị trong gói thầu. Đối với các thiết bị nhà sản xuất đưa ra thời hạn bảo hành, bảo hành theo quy định của nhà sản xuất. - Có cam kết bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành ít nhất là 02 năm sau khi thực hiện hợp đồng. Nhà thầu trình bày phương án bảo hành, bảo trì đối với các hàng hóa trong gói thầu. - Cam kết sẽ tiến hành bảo hành, bảo trì muộn nhất là 24 tiếng kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành, bảo trì (bao gồm địa chỉ, số điện thoại) cho các thiết bị của gói thầu. 	X	

STT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		- Có cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt .		
		- Không cam kết các yêu cầu nêu bên		X
IV	Tiến độ thực hiện gói thầu			
1	Thời gian hoàn thành gói thầu	Thời gian hoàn thành gói thầu ≤ 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng/bàn giao mặt bằng lắp đặt. Nhà thầu Có bảng tiến độ chi tiết về việc thực hiện gói thầu từ khi bắt đầu thực hiện đến khi nghiệm thu, bàn giao.	X	
		Không đáp ứng yêu cầu trên.		X
V	Điều kiện thương mại			
1	Điều kiện thương mại	Nhà thầu trình bày Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, điều kiện thanh toán, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng hợp lý, khả thi, hiệu quả.	X	
		Không đáp ứng yêu cầu trên		X
VII	Yêu cầu khác			
1	Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu	Từ năm 2022 đến nay: Nhà thầu có cam kết không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại điều 19 và điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ.	X	
		Từ năm 2022 đến nay: Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đúng việc không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại điều 19 và điều 20 của Nghị định số		X

STT	Tiêu chí đánh giá	Nội dung đánh giá	Đạt	Không đạt
		214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ.		
VI	Kết luận đánh giá			
1	Đáp ứng yêu cầu về về mặt kỹ thuật	Đạt tất cả các yêu cầu nội dung đánh giá nêu trên.	Đạt	
2	Không đáp ứng yêu cầu về về mặt kỹ thuật	Không đạt yêu cầu một trong các nội dung đánh giá nêu trên.		Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.